

VAI TRÒ CỦA ỐC EO TRONG DIỄN TRÌNH LỊCH SỬ PHÙ NAM

Lê Trương Ánh Ngọc

Khoa Sư phạm, Trường Đại học An Giang,

Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Email: ltangoc@agu.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 27/9/2021; Ngày nhận chỉnh sửa: 29/11/2021; Ngày duyệt đăng: 07/3/2022

Tóm tắt

Vương quốc Phù Nam đã sụp đổ vào thế kỷ VII và nền văn hóa Ốc Eo chỉ còn là những phế tích. Tuy nhiên, việc lật giở từng viên gạch trong đồng đồ nát đổ sẽ làm sống dậy một thời kỳ huy hoàng của một vương quốc vốn từng được xem là trung tâm của Đông Nam Á trong thời kỳ sơ sử. Với chủ đề này, tác giả đóng góp bài viết "Vai trò của Ốc Eo trong diễn trình lịch sử Phù Nam". Với mục đích khẳng định vị thế của Ốc Eo - Ba Thê chứ không phải một nơi nào khác, mới có thể giữ vai trò chủ yếu và thực chất của truyền thống văn hóa Phù Nam và đời sống Phù Nam trong quá khứ.

Từ khóa: *Vương quốc Phù Nam, đặc trưng, văn hóa Ốc Eo, truyền thống văn hóa, đời sống.*

THE ROLE OF OC EO IN FUNAN'S HISTORY

Le Truong Anh Ngoc

Faculty of Education, An Giang University,

Viet Nam National University, Ho Chi Minh City

Email: ltangoc@agu.edu.vn

Article history

Received: 27/9/2021; Received in revised form: 29/11/2021; Accepted: 07/3/2022

Abstract

Funan kingdom was collapsed in the 7th century and Oc Eo culture was in ruins. However, flipping every single brick in the rubble appears to uncover a glorious period of a kingdom that was known as the center of Southeast Asia in the early history. On this topic line, this article "The role of Oc Eo in Funan's history" is to affirm that Oc Eo - Ba The, and not anywhere else, is highly likely to hold the main and substantive role of the Funan cultural tradition and Funan life in the past.

Keywords: *Characteristics, cultural tradition, Funan kingdom, life, Oc Eo culture.*

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.11.6.2022.994>

Trích dẫn: Lê Trương Ánh Ngọc. (2022). Vai trò của Ốc eo trong diễn trình lịch sử Phù Nam. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 11(6), 67-75.

1. Đặt vấn đề

Trên cơ tầng văn hoá bản địa Nam Đông Dương, sự ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ được ghi nhận từ 2.500 năm trước, từng bước đã tạo ra những chuyển biến tích cực trong xã hội tiền sử ở châu thổ sông Mê Kông và vùng đồi núi Đông Bắc Campuchia ngày nay. Vào những thế kỷ đầu Công Nguyên, khi những nhà truyền giáo và thương nhân Ấn Độ và Trung Hoa đặt chân ven bờ phía Nam Biển Đông và vịnh Thái Lan để trao đổi tơ lụa và kim khí lấy gia vị, trầm hương, ngà voi, vàng, ... Họ thường nhắc đến một vương quốc, hay một nhóm vương quốc gọi là Phù Nam rất giàu có ở vùng đất này. Trong suốt thời kỳ tồn tại và phát triển, Phù Nam là một vương quốc năng động và tầm ảnh hưởng lớn không chỉ trong khu vực Đông Nam Á mà còn mang tầm vóc quốc tế. Chính vì lẽ đó, dù là một vấn đề thật quen thuộc với những nhà nghiên cứu, nhưng chắc chắn rằng vẫn còn những thông tin thú vị cần được khám phá xoay quanh vương quốc Phù Nam và nền văn hoá Óc Eo.

2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã sử dụng hai phương pháp đặc trưng nhất trong nghiên cứu của khoa học lịch sử là phương pháp lịch sử và phương pháp logic để đạt được mục tiêu và kết quả nghiên cứu.

Phương pháp lịch sử là phương pháp xem xét và trình bày quá trình phát triển của các sự kiện lịch sử theo một trình tự liên tục, trong mối liên hệ tác động lẫn nhau của chúng. Yêu cầu đối với phương pháp lịch sử là đảm bảo tính liên tục về thời gian của các sự kiện; làm rõ điều kiện, đặc điểm phát sinh, phát triển và biểu hiện của chúng; làm sáng tỏ các mối liên hệ đa dạng của chúng với các sự kiện khác. Trong quá trình nghiên cứu, phương pháp này được sử dụng một cách xuyên suốt để khái quát lại bối cảnh lịch sử Phù Nam trong một thời kỳ xa xưa.

Phương pháp logic là đặt các sự kiện, hiện tượng trong mối liên hệ với nhau và tổng hợp, so sánh, đối chiếu, phân tích chúng... để tìm ra ý nghĩa, bản chất của sự kiện lịch sử. Phương pháp logic sẽ giúp nhà nghiên cứu khám phá ra sự tương đồng và khác biệt giữa Phù Nam và các quốc gia ở Đông Nam Á trong thời kỳ sơ sử.

Ngoài ra, tác giả còn sử dụng các phương pháp bổ trợ khác như tổng hợp, phân tích, so sánh, đánh giá...

3. Nội dung

3.1. Khái quát vương quốc Phù Nam

Khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) và sông Đồng Nai trước đây gọi chung là vùng đất Gia Định. Từ thế kỷ I đến thế kỷ VII, vùng đất này thuộc lãnh thổ vương quốc Phù Nam (Ngô Minh Oanh, 2018, tr. 16).

Vương quốc Phù Nam (*Bnam, Vyadhapura - Thành phố của những người thợ săn*) là vương quốc lớn đầu tiên ở miền Nam bán đảo Đông Dương, tồn tại từ thế kỷ I đến thế kỷ VII SCN. Phù Nam là phát âm theo tiếng Trung Quốc chữ Khmer cổ *Bnam*, ngày nay là *Phnom*, có nghĩa là “Núi” (Đặng Đức An, 2010, tr. 131). Theo các kết quả nghiên cứu của các nhà dân tộc học, khảo cổ học đã cho thấy Phù Nam ra đời từ đầu Công Nguyên với lãnh thổ khá rộng lớn, phía Nam tiếp giáp vịnh Thái Lan, phía Bắc giới hạn bởi sông Mun (chảy qua vùng U Đông - Thái Lan), phía Đông giáp biển Đông, phía Tây bao gồm hạ lưu sông Mê Nam và một phần phía Bắc bán đảo Mã Lai. Như vậy, lãnh thổ của vương quốc Phù Nam bao gồm cả vùng đất Trung - Nam Lào và vùng đất Nam Bộ và một phần Trung Bộ Việt Nam ngày nay (Ngô Minh Oanh, 2018, tr.16). Dân cư chủ yếu của vương quốc Phù Nam là các tộc người Nam Đảo (như người Malay, Chăm,...) kết hợp với người Môn - Khmer (Đặng Đức An, 2010, tr.131). Dẫn theo *Lương thư* và *Tân Đường thư* thì “Vua Phù Nam đặt kinh đô ở thành phố Đặc Mục”. Theo Louis Malleret và Lương Ninh cho rằng: Kinh đô của Phù Nam ở Angkor Borei, cách Châu Đốc 30km và theo sông Hậu ra cửa Định An khoảng 250km (Lương Ninh và cs., 2005, tr. 26). Địa bàn trung tâm của vương quốc là vùng đồng bằng và hạ lưu sông Mê Kông (Nam Campuchia và Nam Bộ Việt Nam hiện nay).

Về quá trình lập quốc của Phù Nam, căn cứ vào *Tấn thư - Nam Tề thư - Lương thư*, vua Phù Nam có một người con gái tên là Liễu Diệp (còn gọi là tộc Mặt Trăng) trẻ khỏe như con trai, đã kết hôn với Hồn Điền (Hồn Hội) là một người nước ngoài, đã mở đầu cho vương triều Phù Nam. Trong hơn 600 năm tồn tại, Phù Nam truyền ngôi được 13 đời vua: Hồn Điền - Hồn Bàn Huống - Hồn Bàn Bàn - Phạm Man (hay Phạm Sư Man là tướng của Bàn Huống) - Phạm Chiên (là con chị gái của Phạm Man) - Phạm Trảng (con trai út của Phạm Man) - Phạm Tầm (tướng của Phạm Chiên) - Thiên Trúc Chiên Đàn (vua mới gốc Ấn Độ sai sứ sang cống voi thuần, đời Mục đế, năm 357) - Kiêu

Trần Như (Kaudinya vốn người Balamon sang làm vua) - Tri Lê Đà Bạt Ma - Jayavarman - Rudravarman (Luu Đà Bạt Ma) (Lương Ninh và cs., 2005, tr. 24).



Hình 1. Phù Nam và vùng đất phụ thuộc

Nguồn: Southeast Asia in World History, p. 27.

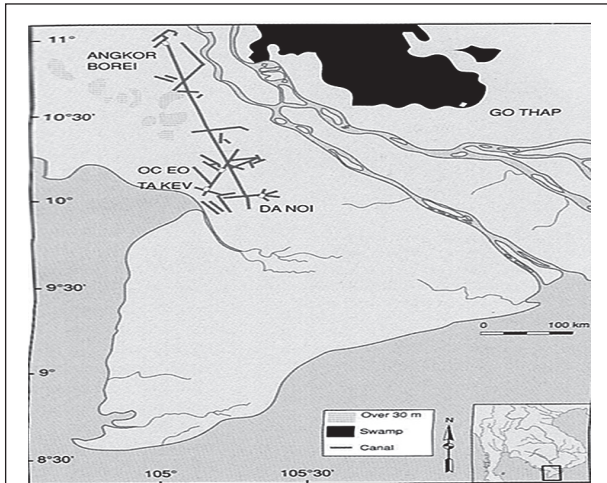
Vương quốc Phù Nam thịnh trị nhất vào thế kỷ III cho đến thế kỷ V. Nhà vua lớn nhất của vương quốc là Phạm Man, ông đã xây dựng một đạo quân và một hạm đội mạnh, chinh phục mười quốc gia láng giềng. *Sử Nam Tề* viết: Phạm Man là một người dũng cảm có tài. Ông đã từng chinh phục các nước láng giềng và bắt các nước này thuần phục Phù Nam..., mở rộng biên cương đến năm, sáu nghìn dặm..., tự xưng là Phù Nam đại vương. Nhà vua lớn cuối cùng của vương quốc là Jayavarman (480-514), ông nổi tiếng về việc quan tâm đến đời sống của nhân dân, tổ chức khẩn hoang, mở mang các công trình thủy lợi,... Con trai ông là Hoàng tử Gunavarman đã phụ trách việc khai phá vùng đất đầm lầy rộng lớn ở hạ lưu sông Mê Kông (tức vùng Đồng Tháp Mười - Việt Nam ngày nay). Hoàng tử đã dựng một ngôi đền thờ thần Vishnu - đền Prasat Pram Loven và khắc một tấm bia bằng chữ Sanskrit ghi lại việc khai phá vùng đầm lầy này. Trong thời gian trị vì của Jayavarman, Phù Nam

có quan hệ hòa hiếu với Trung Quốc và Jayavarman được phong danh hiệu “Phù Nam đại vương”. Vương quốc Phù Nam bị suy yếu vào nửa sau thế kỷ VI do sự lên ngôi bất hợp pháp của Rudravarman (514-550) đã gây ra sự hỗn loạn trong triều đình và nhiều cuộc nổi dậy ở địa phương. Nhân cơ hội Phù Nam suy yếu, công quốc Chân Lạp - một nước chư hầu của Phù Nam do vua Bhavavarman lãnh đạo đã tiến chiếm kinh đô Đặc Mục. Vua Phù Nam phải chạy xuống phía Nam lập triều đình lưu vong tại Angkor Borei, khi đó vua Bhavavarman đã hợp nhất lãnh thổ Chân Lạp với Phù Nam. Năm 630, Isanavarnam chiếm Angkor Borei, nước Phù Nam chấm dứt tồn tại. Trong suốt thời gian tồn tại, Phù Nam đã tiếp thu nền văn hóa Ấn Độ về các mặt chữ viết (Sanskrit), tôn giáo (Balamon và Phật giáo), chính trị, văn học, nghệ thuật.

Về mặt kinh tế, người Phù Nam đã hình thành một xã hội nông nghiệp lúa nước - lúa trời, thuộc dạng trồng lúa đầm lầy với một hệ thống kênh đào hỗ trợ rộng lớn tỏa khắp vùng Nam sông Hậu. Ở khu Ba Thê - Óc Eo, Núi Sập, Định Mỹ, Trác Đá (An Giang) những đường nước cổ tạo thành một mạng lưới chằng chịt tỏa ra theo hình nan hoa, nối liền các di chỉ trên với nhóm di tích Óc Eo ở Kiên Giang. Với một khối lượng kênh đào như thế rõ ràng phục vụ cho nhu cầu thủy lợi và giao thông, từ đó có thể khẳng định, nền kinh tế nông nghiệp Phù Nam đã thoát khỏi tình trạng tự phát, đã có tính cộng đồng, có tổ chức quy mô rộng lớn trên toàn miền Tây Nam Bộ vào những thế kỷ sau Công Nguyên.

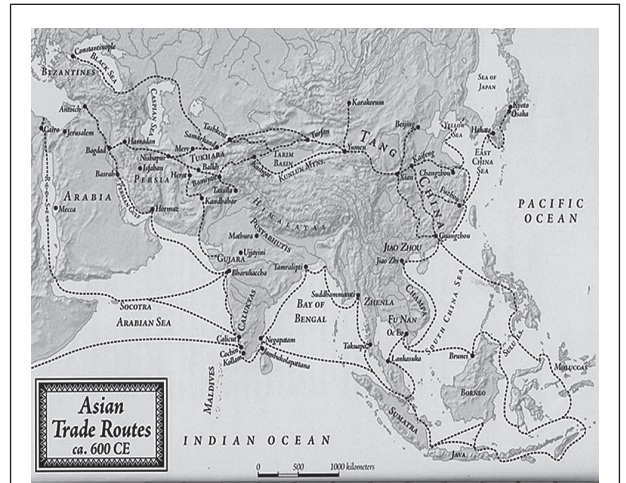
Thủ công nghiệp đã phát triển đến một trình độ cao và đa dạng: nghề mộc, nghề đá, nghề tạc tượng, nghề xây dựng, nghề đóng thuyền, nghề gốm, nghề luyện kim, nghề kim hoàn,... Sự phát triển mạnh của nông nghiệp và thủ công nghiệp đã tạo điều kiện cho thương nghiệp phát triển đáng kể bao gồm cả nội thương và ngoại thương. Phù Nam được biết đến trong lịch sử như là một cường quốc thương nghiệp từ giữa thế kỷ III đến đầu thế kỷ VI, Ấn Độ - Trung Quốc và các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á là bạn hàng thân thiết của Phù Nam.

Nền chính trị của Phù Nam ban đầu còn mang nhiều tính chất thị tộc, những tư tưởng về công bằng và luật pháp còn rất thô sơ, chưa hình thành một hệ thống pháp lý. Dù đã tiếp thu văn hóa Ấn Độ nhưng vẫn ứng xử và bảo lưu nhiều yếu tố văn hóa - phong tục - tập quán địa phương.



Hình 2. Bản đồ kênh cổ kết nối các trung tâm của Phù Nam

Nguồn: Early cultures of mainland Southeast Asia, p. 57.



Hình 3. Bản đồ thương mại Á châu, khoảng năm 600

Nguồn: Art and Archaeology of Funan, p. 110.

Từ một xã hội săn bắt - hái lượm thời tiền sử, cư dân trên lãnh thổ ĐBSCL dần dần đã trở thành nông dân với sự phát triển của nghề trồng lúa nước trong môi trường nhiệt đới gió mùa. Khi thặng dư nông nghiệp dồi dào, nhu cầu trao đổi hàng hóa được nảy sinh đã tạo điều kiện cho sự chuyên môn hóa các ngành nghề đáp ứng cho một thị trường ngày một được mở rộng, vượt khỏi phạm vi châu thổ và vươn xa về phía biển và vùng nội địa. Chính vì lẽ đó, Óc Eo được xem là một trong hai hải cảng lớn và nổi tiếng trên thế giới lúc bấy giờ.

Xét về góc độ xã hội, Phù Nam là một xã hội đa dạng, khá phức tạp và sinh động. Một cộng đồng nông nghiệp rộng lớn, một bộ phận không nhỏ thợ thủ công và một tầng lớp thương gia lớn nhỏ tại chỗ và vãng lai thường xuyên đến từ Trung Quốc, Ấn Độ, Địa Trung Hải, vịnh Ba Tư tạo nên một xã hội đa tộc người, đa tôn giáo và đa văn hóa. Mặc dù tiếp xúc thường xuyên với các cư dân khác nhau nhưng tính cách người Phù Nam phần lớn vốn mộc mạc, hào phóng, khả ái và không ưa đánh nhau trong *Nam Tề thư* có đề cập. Tập quán người Phù Nam nguyên là sống trần truồng và xăm mình, tóc buông ra đằng sau lưng và không biết đến y phục, cả phía dưới lẫn phía trên, *Luong thu* đã trình bày những thông tin thú vị vừa nêu.

Người Phù Nam sống trong những ngôi nhà sàn gỗ (di tích trên cánh đồng Óc Eo, Gò Tháp, Cảnh

Đền,...) và thuyền bè. Những kiến trúc tôn giáo như đền thờ hay tháp Phật được xây dựng bằng đá - gạch kiên cố (kiến trúc Linh Sơn Nam khai quật năm 1993, 1998 và 1999 gồm 36 đường móng đá và gạch, chia mặt bằng thành 22 cấu trúc lớn nhỏ gồm nền phòng, sân trong và cổng nước,...) và một số công trình khác được làm bằng gỗ. Năm 1944, khi khai quật ở di tích Óc Eo, L. Malleret đã nhận xét những công trình kiến trúc phần lớn được lợp mái ngói bằng và khác hẳn kiến trúc ở Angkor. Do nhu cầu xây dựng và trang trí các công trình đã sản sinh ra một đội ngũ những nghệ nhân bậc thầy về làm mộc, chế tác đá, điêu khắc, làm gốm và đồ đất nung.

Trong đời sống tín ngưỡng, Phù Nam là một xã hội đa tôn giáo, họ rất sùng tín Balamon và Phật giáo, do vậy hai tôn giáo này rất phát triển ở Phù Nam. Người Phù Nam có bốn loại hình táng đối với người chết: thủy táng, hỏa táng, địa táng, điều táng; trong đó hỏa táng khá phổ biến với những phát hiện khảo cổ học tại các di chỉ Nền Chùa (1982), Óc Eo (1983), Gò Tháp (1984 và 1993), Đá Nổi (1985), Gò Thành (1988), Kè Một (1990). Những vật tùy táng thường thấy là những lá vàng mỏng có khắc những đề tài thần linh, các biểu tượng Balamon và Phật giáo, hình động vật, thảo vật và những bộ cục hình kỷ hà, chữ Sanskrit (Trần Đức Cường và cs., 2015, tr. 98).

Cư dân Phù Nam rất ưa chuộng các hình thức

giải trí bình dân như săn bắt, đá gà, chọi heo và nuôi chim, thú. Tầng lớp trên thì yêu thích hoạt động thi ca và âm nhạc vốn được xem là loại hình giải trí ở trình độ cao.

Chữ Sanskrit (Phạn) đã xuất hiện ở Phù Nam từ thế kỷ I đầu Công Nguyên gồm những từ đơn lẻ, sau đó đã trở thành văn tự chính thức của triều đình và tôn giáo. Những minh văn dài khắc trên bia đá ở Đá Nổi (An Giang), Ba Thê, Núi Sam, Gò Tháp,... được viết theo thể luật thi của dòng văn chương uyển bác Phạn ngữ, diễn tả những tư tưởng nhân văn, triết học với mỹ từ cao sang và chứa đựng đầy tình cảm tha thiết. Với sự xuất hiện của chữ viết được xem là một yếu tố mới nhưng khá quan trọng để giúp cho việc tìm hiểu về tư tưởng và đời sống tinh thần của cư dân trong vùng.

3.2. Vai trò của Óc Eo trong diễn trình lịch sử Phù Nam

3.2.1. Đặc điểm văn hoá Óc Eo

Theo Louis Malleret nói, một trong những khám phá quan trọng nhất của lịch sử Đông Nam Á nằm ở phía hạ lưu dòng Mê Kông. Đó chính là nền văn hóa Óc Eo được xem là thành tựu nổi bật và đỉnh cao của vương quốc Phù Nam. Qua những phát hiện khảo cổ học cho thấy, văn hóa Óc Eo tồn tại và phát triển qua ba giai đoạn. Thời kỳ tiền Óc Eo từ thế kỷ I - IV; Giai đoạn Óc Eo cổ điển từ thế kỷ V đến cuối thế kỷ VI; Từ thế kỷ VII đến IX là giai đoạn văn hóa Óc Eo cổ điển mờ nhạt do sự phát triển của Chân Lạp.

a. Hình thái đặc thù nổi bật đầu tiên của văn hóa Óc Eo là sự kết hợp những yếu tố nội sinh từ cơ tầng văn hóa bản địa.

Những di tích văn hóa Óc Eo từ thế kỷ I đến VI ở Nam Bộ chia ra làm ba loại hình cụ thể: Di chỉ cư trú (Óc Eo - Ba Thê, Nền Chùa, Cạnh Đền, Gò Hàng, Gò Tháp Mười); Di chỉ kiến trúc (Gò Chiêu Liêu, Gò Ông Tùng, Cây Gáo Một, Cây Gáo Hai, Nền Chùa, Gò Cây Trôm, Gò Tháp Mười, Gò Xoài, Gò Cây Thị, Gò Cây Thị B, Gò Thành, Linh Sơn Nam, Gò Đồn); Di chỉ mộ táng (Nền Chùa, Óc Eo, Đá Nổi, Cạnh Đền, Gò Tháp, Gò Thành, Thành Mới, Đồng Bơ).

Sau quá trình khai quật tại các di chỉ thuộc văn hóa Óc Eo, với những hiện vật thu thập được như nhiều mảnh gốm, hạt cườm, đoạn gỗ cắm đứng, mảnh xương, răng trâu bò hoặc nai,... đã cho thấy từ hơn 6.000 năm trước, tại châu thổ ĐBSCL cư dân

đã biết trồng lúa, đánh cá, săn bắt, sống trên nhà sàn hay thuyền bè, có tục chôn người chết, thờ tổ tiên và vật linh. Nhà nghiên cứu Hà Văn Tấn đã nhận định: Trước hết, Óc Eo không phải là đã mọc lên trên một vùng hoang vắng không dân cư, mà khu vực này đã là một điểm tụ cư rất sớm, ít ra là từ hậu kỳ Đá mới hay sơ kỳ thời Đại kim khí. Những chiếc riu bôn bằng đá, có vai hoặc tứ giác, tìm thấy ở Óc Eo và các địa điểm như Đá Nổi, Núi Sập đã cho ta biết điều đó. Nhiều di cốt người, đặc biệt là cốt sọ đã được phát hiện trong tình trạng bảo tồn tốt ngay trong tầng văn hóa của di chỉ, hoặc nằm chung với hiện vật tùy táng,... (Trần Đức Cường và cs., 2015, tr. 59-62).

Louis Malleret đã chỉ rõ di chỉ Óc Eo và các di chỉ ở ĐBSCL có mối quan hệ văn hóa rõ nét với các vùng trong khu vực. Cụ thể như Samrong Sen về loại tô có chân, Đông Sơn ở một dạng hoa văn hình tròn có chám, Thượng Lào về các loại vò. Đặc biệt, cái lục lạc hình con ốc bằng đất nung khá giống nhau, tìm thấy ở cả Óc Eo, Sa Huỳnh, Thượng Lào và Samrong Sen. Đó chính là nét tương đồng của nền văn hóa cổ khu vực Đông Nam Á - một tầng văn hóa châu Á gió mùa. Tuy nhiên, Malleret cũng chỉ rõ Óc Eo thuộc về một nền văn hóa cổ - địa phương - riêng biệt dựa trên sự phân tích hình dạng và hoa văn gốm. Từ đó, cùng với Sa Huỳnh, Đông Sơn, Óc Eo trở thành một trong ba nền văn hóa cổ có mối liên hệ xa xưa nhưng vẫn chứa đựng những yếu tố riêng.

Theo Lương Ninh, tính chất riêng biệt của nền văn hóa Óc Eo thể hiện ở các điểm sau: Dấu vết của sản xuất thủ công bản địa rõ rệt, về cả gốm, đồ đá và nhất là kim khí; Tính chất độc đáo trên hoa văn gốm, hình dạng và trang trí trên đồ gốm và đồ kim khí đặc biệt trên hai cái chai đất nung mà cho đến nay chưa từng phát hiện ở Đông Nam Á; Việc chế tạo tại chỗ một khối lượng lớn đồ thiếc dưới dạng đồ trang sức, con dấu, quả cân và cả những miếng cặp chì, không thể không tính đến như một nét độc đáo; Dấu vết kiến trúc, hầm mộ và dinh thự vượt hẳn những nơi khác cùng thời gian ở Đông Nam Á về tổng thể và về phong cách.

Với những điều trình bày trên đã khẳng định, Óc Eo là trung tâm kinh tế - văn hóa - chính trị của cả vùng - vùng ĐBSCL - nhưng nhất là của miền Tây sông Hậu, địa bàn gốc của một quốc gia cổ - Phù Nam. Từ cơ tầng văn hóa bản địa phát triển đã giúp cho Óc Eo có thể tiếp thu một cách dễ dàng và vững

vàng những dòng văn hóa mới của thời đại: văn minh Ấn Độ, Trung Quốc.

b. Sự giao lưu và tiếp biến tạo nên hình thái đặc thù thứ hai của văn hoá Óc Eo.

Sự bành trướng của nền văn minh Ấn Độ về phương Đông vào đầu Công Nguyên như là kết quả của những công việc buôn bán, của một đợt sóng liên tục của những nhà hàng hải (Coedes G. E, 2011, tr. 61). Những nhà truyền giáo thường theo lộ trình của các thương nhân cả đường thủy lẫn đường bộ. Khoảng 2300 năm trước, sau đại hội kết tập kinh điển lần thứ ba, vua Ashoka đã gửi chín phái đoàn truyền giáo sang các quốc gia lân cận nhằm truyền bá chánh pháp và tư tưởng của Đức Phật Gautama. Dựa theo hai bộ sử liệu quan trọng là “*Mahavamsa - Đại Phật sử*” và “*Dipavamsa - Sử liệu về đảo Sri Lanka*”, phái đoàn thứ tám do hai vị Trưởng lão là Sona và Uttara nhận trách nhiệm đi hoằng pháp ở xứ Suvanahhumi - tiền thân của vương quốc Phù Nam sau này, khi đó Óc Eo - An Giang là một hải cảng sầm uất thứ hai trên toàn thế giới. Trước khi Phật giáo Theravada được truyền vào vương quốc Phù Nam, nơi đây đã tồn tại một tôn giáo có sức ảnh hưởng rất lớn đó là Balamon giáo. Theo *Lương thư* chép, phong tục Phù Nam thờ thiên thần, đúc tượng bằng đồng, hai mặt bốn tay, bốn mặt tám tay..., nhà sư Nghĩa Tịnh đến Phù Nam khoảng năm 671-695 viết, Người xứ ấy thờ nhiều thần, nhưng Phật giáo thịnh hành.

Vào thế kỷ V, một đợt truyền giáo mới lại xuất hiện từ trung tâm Phật giáo Sri Lanka khi kinh điển được khắc trên lá buông được truyền đến đây. Nhiều tài liệu khảo cổ đã tìm thấy sự giao thương giữa Phù Nam và Sri Lanka thời bấy giờ tại một số nơi trong khu vực Đông Nam Á. Sự du nhập của Phật giáo và Balamon đã có một tác động đáng kể trong văn hóa Óc Eo. Tục thờ sinh thực khí của cư dân bản địa được thể chế hóa bằng hình tượng linga - biểu tượng quyền năng của Shiva cũng như sức mạnh vương quyền và tính thuần khiết tôn giáo.

Mặc dù chịu ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ nhưng đó chỉ là sự tiếp nhận có chọn lọc, sáng tạo, mô phỏng và biến thể một số thành tựu văn hóa. Đây cũng là những đặc điểm khá độc đáo của xã hội Ấn giáo ở Nam Bộ vào thời đại Óc Eo. Nếu như ở Ấn Độ, vào thời kỳ phong kiến, phần lớn các đại điện chủ thờ Shiva, giới tiểu nông và thương nhân thờ Vishnu; thì ở Nam Bộ trong khoảng mười thế kỷ đầu Công Nguyên, tượng

Vishnu chiếm đa số. Họ tôn thờ Vishnu có lẽ giáo phái này phù hợp với một xã hội nông dân, tiểu thủ công nghiệp và thương nghiệp không có đẳng cấp - Varna. Điều này cũng đồng nghĩa là truyền thống tín ngưỡng Thần - Vua (Devaraja) chỉ mang tính chất mô phỏng ở Phù Nam.

Trong suốt bảy thế kỷ tồn tại và để lại hàng trăm phế tích, trong đó có hơn 30 di tích được khai quật trên phạm vi phân bố từ miền Đông đến miền Tây Nam Bộ, đó chính là không gian văn hóa Óc Eo mà những di tích cư trú và di tích kiến trúc là những điểm mốc cụ thể. Với tục thờ linga - Phật - Vishnu và các vị thần Ấn giáo khác, với sự kết hợp giữa thế quyền và thần quyền đã tạo nên một xã hội đầy sức sống - năng động trên địa bàn ĐBSCL - mà nhất là miền Tây sông Hậu. Và chính Vyadhapura - Phù Nam hay Óc Eo đã giữ một vai trò vinh dự của nó. Nó đã đặt cơ sở bước đầu nền tảng cho sự khai phá một phần phía Tây của ĐBSCL, và người Việt sẽ tiếp tục hoàn thành công việc còn lại. Nhưng có lẽ vai trò lớn nhất của nó chính là làm giàu cho nền văn hóa Khmer mà vương quốc Bhavapura - Chân Lạp và vương quốc Cambodia đã tiếp nhận làm một bộ phận của truyền thống văn hóa vừa lạ lại vừa quen.

3.2.2. Vai trò của Óc Eo trong diễn trình lịch sử Phù Nam

Dựa trên các kết quả nghiên cứu khảo cổ học ở Óc Eo và rộng ra ở một số địa điểm tương đồng khác ở ĐBSCL, chúng ta có thể xác định một nền văn hoá chung gọi là văn hoá Óc Eo hay văn hoá Phù Nam, được giới hạn trong không gian (nơi phát hiện di tích văn hoá) và thời gian của Phù Nam (thế kỷ I - VII). Với nền kinh tế phát triển mạnh về mậu dịch hàng hải, kết hợp với sức mạnh về quân sự - chính trị và một vùng văn hoá phát triển, đã hình thành một nền văn hoá cổ Phù Nam - Óc Eo có sức ảnh hưởng đến các vùng lân cận, để lại dấu ấn đến đời sau với những giá trị độc đáo.

Cảng thị Óc Eo - một điểm nối liền của con đường buôn bán Đông - Tây, sự mở đầu của một bước ngoặt của lịch sử Đông Nam Á và thế giới.

Óc Eo là một hải cảng thông suốt theo con đường tơ lụa trên biển từ Ấn Độ Dương vòng sang Thái Bình Dương. Cảng Óc Eo nằm dưới chân núi Ba Thê được chạy âm từ tiếng Pali là *Padatheri*, có nghĩa là Dấu chân của Bạc trưởng lão. Vào thế kỷ II và III, miền Nam Sumatra trở thành một nơi hội tụ

các luồng thương mại trong vùng biển Java và từ đó người Mã Lai lại chuyển hàng đến Óc Eo để gia nhập thị trường quốc tế. Phù Nam được biết đến trong lịch sử như một cường quốc thương nghiệp từ giữa thế kỷ III và đầu thế kỷ VI. Những chinh phục quân sự ở bán đảo Mã Lai đã hỗ trợ việc kiểm soát các lộ giao thương giữa Ấn Độ và vùng Đông Nam Á cả đường thủy lẫn đường bộ (Trần Đức Cường và cs., 2015, tr. 81). Người Phù Nam có thể đóng thuyền to vượt biển lớn cùng với vị trí đặc biệt, Óc Eo - Phù Nam đã trở thành một trung tâm thương mại biển Đông - Tây, hay một trung tâm liên thế giới. Những phát hiện của Louis Malleret càng khẳng định tính quốc tế của cảng thị Óc Eo. Hai đồng tiền vàng/huy chương vàng La Mã thời Antonius (138-220) và thời Mark Aurele (161-180) được tìm thấy có niên đại thế kỷ II; và sau đó vào năm 1982, Landes công bố một đồng tiền vàng có niên đại thế kỷ III được tìm thấy ở Uthong (Thái Lan) - rất có thể là thuộc quốc của Phù Nam. Những đồng tiền này cũng tìm thấy nhiều ở Ấn Độ cho nên có thể nói chúng do những người Ấn Độ mang đến. Các cuộc khai quật khảo cổ từ năm 1975 - 1995 đã phát hiện ở Óc Eo 12 đồng tiền bạc lớn nhỏ khác nhau được gọi là “tiền Phù Nam” hay “tiền Óc Eo”. Đồng bạc đúc nổi hình con ốc tù và (tượng trưng cho Vishnu), hình tia sáng mặt trời và hình cửa vồng đền thờ. Ngoài ra còn phát hiện mảnh 1/4, 1/8 đồng tiền được dùng để mua bán nhỏ (Lương Ninh, 2009, tr. 249). Một mảnh gương đồng thời Hậu Hán (AD25 - AD220), một hình khắc vạch trên thiếc một chiếc hồ kiêu Trung Hoa. Người Trung Hoa xuất hiện ở Phù Nam - Óc Eo như là những sứ giả viếng thăm, ghi chép và mô tả lại về nước Phù Nam. Tuy vậy, hàng hoá Trung Hoa cũng là một mặt hàng ưa chuộng và người Phù Nam giữ vai trò chủ đạo trong việc trao đổi. 36 nhẫn, mặt ngọc, đồng, thiếc có khắc lời chúc cầu niệm bằng chữ Brahmi và Sanskrit cho thấy việc thương nhân người Ấn đến và lưu lại ở Phù Nam là khá thường xuyên (Lương Ninh, 2009, tr. 313-314).

Óc Eo - nơi lan toả tinh thần Phật giáo và Hindu trong đế quốc Phù Nam.

Người Ấn Độ xuất hiện ở Phù Nam khá đông đúc và định cư khá lâu đã truyền thụ cho cư dân bản địa tuy chỉ là một lớp trí thức biết đọc chữ Sanskrit nhưng trình độ văn pháp đã khá cao, hai tôn giáo lớn đó là Phật giáo và Hindu giáo. Điều này đã góp phần xây dựng nền văn hoá cổ Phù Nam mang màu sắc

Phật giáo và Hindu pha trộn tính bản địa sau đó lan toả đến những nơi chịu ảnh hưởng của Phù Nam. Dẫn đến hình thành một nền nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc cổ điển Phù Nam mang đậm màu sắc tôn giáo.

Hiện nay tại chân núi Ba Thê, đã được nhà khảo cổ người Pháp là Louis Malleret khai quật vào năm 1942, phát hiện nền của một ngôi đền Hindu giáo với một bức tượng thần Vishnu và hai bia ký bằng tiếng Sanskrit và Pali, có pha mẫu tự Gambi của văn tự Ashoka năm 594. Có thể suy luận, người Phù Nam đã xây dựng ngôi đền này chồng lên bảo tháp của vua Ashoka đã cho xây dựng hơn 800 năm trước đó. Bên cạnh đó còn có rất nhiều tượng Phật theo truyền thống Theravada đã được tìm thấy tại ĐBSCL có niên đại cách đây hơn 2000 năm, đặc biệt là lá vàng tìm thấy tại Gò Xoài - Long An vào thế kỷ VI được ghi bằng ngôn ngữ Pali lẫn Sankrit, nội dung về *Thuyết duyên sanh - Khổ* và con đường diệt khổ bằng *Bát chánh đạo*. Đó là tất cả bằng chứng cho thấy tư tưởng Phật giáo Theravada tồn tại tại vùng đất này.

Theo *Lương thu*, đến đời vua Kaundinya Jayavarman, năm 484 nhà vua đã gửi thiền sư Nagasensa sang Trung Hoa nhờ giúp đỡ để chống lại sự tấn công của Champa, như vậy Phật giáo Nguyên thủy thời ấy đã từng phát triển rực rỡ vì theo những tặng phẩm dâng lên trong đó có một Nagaraja - tượng Phật ngồi trên đài rắn thần Nagaraja bằng vàng và một pho tượng bằng gỗ đàn hương trắng. Đến năm 503, nhà sư Mandala được quốc vương Phù Nam cử đi sứ, mang công vua Trung Quốc một pho tượng Phật bằng san hô. Những năm 503-506, các nhà sư gốc Phù Nam tên là Sanghapala và Mandarasan đã sang Trung Quốc để dịch kinh. Năm 519, vua Phù Nam là Rudravarman lại cử sứ bộ sang Trung Quốc dâng tặng một pho tượng Phật bằng gỗ đàn hương Ấn Độ. Khoảng những năm 535-545, một phái bộ Trung Quốc được cử yết kiến vua Phù Nam, xin được sưu tập kinh Phật, đón theo về Trung Quốc các cao tăng và xin được một thánh tích là sợi tóc Phật. Sau đó nhà sư Ấn Độ Paramartha đã tập hợp mang sang Trung Quốc 240 pho kinh. Ngoài ra, còn có hai tấm bia Phù Nam nói về hoàng hậu Kulaparabhavati thắm đượm tinh thần Phật giáo lui về ở ẩn (Lương Ninh, 2009, tr. 251). Như thế, có thể coi Phù Nam là một trung tâm Phật giáo quan trọng, đến nay không một ngôi chùa nào còn đứng vững, nhưng tượng Phật thì còn tồn tại 50 pho tượng trong đó có 17 pho tượng bằng đá, 26

pho tượng bằng gỗ, 7 pho tượng bằng đồng, với 32 pho tượng Phật đứng - Buddhapad. Các pho tượng có niên đại C14 thế kỷ V (tượng gỗ), tìm được ở dưới sâu 1m50 - 2m theo phong cách Hậu Gupta Ấn Độ, và thế kỷ VI khớp với niên đại của Phù Nam. Đặc trưng của tượng Phật Buddhapad là vóc dáng Đức Phật thanh mảnh, áo cà sa bó thân, vạt trước vẫn giữ lại những đường nét thời Amaravati nhưng ngắn hơn vạt sau, nổi nhẹ lên vết gờ trên xương ống chân, tay trái nắm vạt áo, tay phải để hở, lập ấn vô úy hoặc thế độ (Nguyễn Đức Quân, 2005, tr. 65).

Óc Eo - một trung tâm thủ công nghiệp lớn

Bên cạnh nghề trồng lúa nổi, Phù Nam còn đạt đến một trình độ phát triển cao về thủ công nghiệp. Di vật về công cụ sản xuất và các loại sản phẩm đã khai quật được cho thấy sự phân công ngành nghề rất đa dạng ở Phù Nam. Nghề mộc (di vật cột và sàn nhà, lan can, giá đèn bằng gỗ); Nghề đá (đá xây dựng, dụng cụ bằng đá như bàn nghiền, cối, chày); Nghề tạc tượng (đá và gỗ); Nghề làm gạch và vật liệu trang trí bằng đất nung; Nghề xây dựng (đền đài, một táng); Nghề đóng thuyền (theo sử liệu và di vật thuyền); Nghề gốm (công cụ chế tác như bàn xoay, bàn dập hoa văn, trục bàn xoay, giá nung gốm, dụng cụ bằng gốm); Nghề đúc thủy tinh (đúc chuỗi hạt); Nghề chế tác đồng - sắt - thiếc (thoi, lá, dây đồng, tượng thần, tượng người, tượng thú, giá đèn, chuông nhạc, đồ trang trí, đồ đựng, bùa đeo,...); nghề kim hoàn (Trần Đức Cường và cs., 2015, tr. 80).

Những phát hiện khảo cổ vào các năm 1960 của Louis Malleret, năm 1995 ở Óc Eo, 1996 ở Đá Nổi - Kiên Giang và Nhơn Thành - Cần Thơ cho biết đặc tính gốm Phù Nam có hai loại chủ yếu là gốm mịn màu vàng nhạt và gốm thô màu xám đen. Phân tích chi tiết hơn, ở miền Tây, gốm thô dày 0,8m làm bằng đất bùn lẫn cát và bã thực vật có màu xám đen lại thường phủ một lớp áo mỏng màu trắng, nhưng nhiệt độ nung vừa phải nên hai mặt gốm chín hơn, có màu sáng trong khi ở giữa vẫn xám hoặc đen giống như lõi gốm. Lớp trên thân và nhất là vai gốm lại có những hoa văn riêng biệt. Sau khi phân tích hàng ngàn mảnh gốm, Louis Malleret đưa ra 11 băng gốm gồm 101 mẫu hoa văn nhưng có năm mẫu phổ biến: đường răng lược kép vẽ hình uốn lượn đều đặn, hình răng lược bốn - năm vạch vẽ đường gãy khúc hoặc đuôi cò, đường nửa tròn xoáy nổi nhau, văn xương lá cây, xen kẽ đường uốn lượn, đường gãy khúc với

dải băng song song ở trên và dưới. Nhìn chung, văn sóng nước gây ấn tượng nổi bật trong hoa văn gốm Phù Nam (Lương Ninh, 2009, tr. 253).

Các vật gốm phổ biến là cà ràng (bếp lò) được làm bằng đất cát phù sa ở lớp trên nên thường có màu hồng nhạt và được nung kỹ nên rất cứng. Âm, nôi, vò chiếm tỉ lệ đáng kể trong số vật gốm. Âm lớn đựng trung bình khoảng hai lít, một số âm khá lớn đựng bốn - năm lít, đều được nặn cổ cao, bẻ miệng, thân tròn. Vòi âm rất đặc biệt thường là vòi cao cổ được nặn kiểu cách bằng một vòng nhẵn đánh đai quanh miệng. Nắp cũng đặc sắc mang hình chiếc đĩa nhỏ, đập ngửa, có lỗ trũng ở giữa để móc ngón tay khi cần mở nắp. Có thể nói, kiểu vòi và nắp nhìn không đẹp đôi khi có vẻ kỳ dị nhưng rất hợp lý bởi nó chịu được nhịp bồng bênh trên thuyền mà không sợ trào nước hay rơi nắp. Chiếc bếp lò dùng trên thuyền cũng như chai gốm không thể đặt đứng mà có rãnh ở cổ dùng để treo trên thuyền,... phản ánh cuộc sống trên sông nước. Những nét đặc sắc cho thấy một kỹ nghệ, một nền văn hoá gốm Phù Nam cao hơn phân biệt rõ rệt với gốm các vùng, các xứ láng giềng (Lương Ninh, 2009, tr. 254).

Một lượng đồ trang sức rất lớn do Louis Malleret phát hiện năm 1944 gồm có 1.311 món nữ trang vàng, hơn 10.000 viên/hạt ngọc, đá quý; đến sau những năm 1975 phát hiện thêm khoảng 100 món trang sức vàng, 443 hạt đá quý, hơn 120 con dấu, gần 2.000 mảnh vàng có thể là các vật cúng đặt ở sima các đền, chùa (Lương Ninh, 2009, tr. 316 - 317). Đặc biệt, tại di chỉ mộ táng Đá Nổi (An Giang) khai quật năm 1983 phát hiện 317 hiện vật bằng vàng, đa số là những lá vàng mỏng có chạm hình người, thần linh, động vật trong thiên nhiên và động vật biến tướng của các thần linh, thảo mộc, vật thể và chữ viết gồm những biểu tượng Ấn giáo nhưng được đặt trong một khung cảnh thiên nhiên bản địa (Trần Đức Cường và cs., 2015, tr. 80-81).

Charles Higham cho rằng những nôi nấu kim loại bằng đất sét, những khuôn đúc hai mặt bằng đá, rất nhiều đá quý đủ loại còn chưa kịp bị bọ bằng kim loại quý tìm thấy rất nhiều, cả một lượng đáng kể hạt thủy tinh, từ khối lượng thủy tinh nhập của Ấn Độ, được nấu chảy bằng nôi đất theo kỹ thuật truyền thống nói lên một nền kỹ nghệ bản địa lâu đời.

4. Kết luận

Như vậy, từ thế kỷ I đến thế kỷ VII, người Phù

Nam đã xây dựng và phát triển một nền văn minh đô thị trên toàn vùng đất Nam Bộ. Phù Nam là một quốc gia chủ yếu mang bản sắc văn hóa Indonesian ở ven biển và sống nhờ vào biển. Họ mở rộng mối quan hệ với tầm nhìn quốc tế đã đón nhận mọi yếu tố văn hóa của các dân tộc từ Đông sang Tây, hội nhập vào thế giới và trở thành một trung tâm văn hóa chung trong khu vực Biển Đông.

Những di tích văn hoá đã nêu cho thấy cư dân cổ Phù Nam là những người thích nghi cao với đời sống sông nước, những dãy cọc gỗ nhà sàn và dấu tích nền móng đền tháp rải rác khắp miền Tây sông Hậu cho thấy họ cũng lập chợ trên sông, lập phố xá dọc kênh.

Và điều kỳ lạ và hấp dẫn ở đây là, Óc Eo - Ba Thê chứ không phải một nơi nào khác, mới có thể giữ vai trò chủ yếu và thực chất của truyền thống văn hóa Phù Nam và đời sống Phù Nam (Lương Ninh và cs., 2005, tr. 349) với ba vai trò nổi bật trong diễn trình lịch sử Phù Nam: một trung tâm thương mại quốc tế, một trung tâm lan tỏa tinh thần Phật giáo và Hindu giáo, một trung tâm thủ công nghiệp đạt trình độ cao và đa dạng các ngành nghề.

Tài liệu tham khảo

- Đặng Đức An. (2010). *Đại cương lịch sử thế giới trung đại - tập II - phương Đông*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
- Charles, H. (2003). *Early cultures of mainland Southeast Asia*. Art Media Resource LTD.
- Coedes, G.E. (2011). *Cổ sử các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông*. Hà Nội: NXB Thế giới.
- Craig Lockard. (2009). *Southeast Asia in world history*. Oxford University Press.
- James, C.M. K. (2006). *Art & Archaeology of Funan*. Orchid Press Publishing Limited.
- Lương Ninh. (2009). *Một con đường sử học*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
- Lương Ninh (chủ biên), Đỗ Thanh Bình và Trần Thị Vinh (2005). *Lịch sử Đông Nam Á*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Ngô Minh Oanh. (2018). *Một hướng tiếp cận nghiên cứu lịch sử Nam Bộ*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Khoa học Xã hội.
- Nguyễn Đức Quân. (2005). *Yếu tố tôn giáo trong các nền nghệ thuật cổ điển Đông Nam Á* (Luận văn thạc sĩ). Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Đại học Sư phạm.
- Trần Đức Cường (chủ biên), Võ Sĩ Khải, Nguyễn Đức Huệ và Lê Trung Dũng. (2015). *Lịch sử hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ (từ khởi thủy đến năm 1945)*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Khoa học Xã hội.